

Trên báo chí trong nước, thỉnh thoảng có một số người còn nhũu tâm huyät lên tißng báo đäng vä tình träng khäng hoäng cäa tißng Vißt.



Bäng chäng hä nêu lên thäng là nhäng cách viät tät, cä tình sai chính tä hoäc pha nhäu tißng näc ngoài cäa giäi trä trên facebook hay các blog.

Nhäng đäng nhä chäa ai thäy đäu này: số khäng hoäng trong tißng Vißt chä yäu näm trong lãnh väc chính trä và xuät phát tä giäi cäm quyän. Nó näm ngay trong các nghä quyät cäa đäng, các bài diän văn cäa giäi lãnh đäo và, cä thä nhät, trên trang báo Nhân Dân hay Täp chí Cäng sän, räi tä đó, lan đi khäp näi, trên các cä quan truyän thông cũng nhä miäng cäa các cán bä và đäng viên các cäp.

Không phäi ngäi ta không thäy nhäng số khäng hoäng äy. Thäy nên phän äng. Có ba loäi phän äng chính.

Thä nhät, không tin nhäng gì chính quyän nói. Một trong nhäng câu nói đäc nhäc nhäu nhät cäa ông Nguyễn Văn Thiäu, nguyên Täng thäng Vißt Nam Cäng Hòa, là: “Đäng nghe nhäng gì cäng sän nói”.

Xin lưu ý: câu nói này chỉ thực sự gây tiếng vang và được phổ biến rộng rãi chỉ sau năm 1975, lúc ông Thiệu đã trở thành con người của quá khứ.

Thứ hai, chính những người công sự, ngay cả công sự cao cấp, cũng thấy thẹn thùng khi sử dụng lỗi ngôn ngữ họ sáng chế và tung ra sẵn áp đặt lên xã hội.

Có thể nêu lên hai ví dụ. Một là với chữ “đồng chí”. Trước, đó là cách xưng hô chính thức và phổ biến. Sau, nó chỉ hiện hữu trong các cuộc họp. Nói chuyện với nhau, họ như không ai gọi nhau là “đồng chí” nữa. Nghe chữ “đồng chí” là sợ: nó báo hiệu một màn đấu đá hoặc một tai họa (1). Ngay ở Trung Quốc, chính quyền cũng khuyên dân chúng hạn chế dùng chữ “đồng chí” trên các phương tiện giao thông công cộng (2). Hai là chữ “công sự”.

Với nhiều người, kể cả đồng viên, công nghệ người khác gọi mình là “công sự”, họ có cảm giác như nghe một lời chỉ trích. Chẳng có chút tự hào trong đó cả. Như, đã khá lâu, trong một cuộc họp ở Úc, một người là đồng viên khá cao cấp, hiện đang làm việc trong ngành truyền thông ở Việt Nam, nhắc đến cuốn Văn học Việt Nam dưới chế độ công sự (1991 & 1996) của tôi, rồi hỏi: “Sao anh không đặt nhan đề là ‘Văn học dưới chế độ xã hội chế nghĩa’ nhỉ?”

Tôi ngạc nhiên hỏi lại: “Thì có khác gì nhau không?” Anh ấy đáp: “Khác chứ. Chữ ‘xã hội chế nghĩa’ nghe thanh lịch hơn; còn chữ ‘chế độ công sự’ nghe ghê quá, cả nhà một lời kết án.” Tôi hỏi lại: “Anh là đồng viên mà cũng có tên tiếng Việt sao?” Anh ấy đáp, thốt thà: “Đó là tên tiếng chung của toàn xã hội mà. Tên đồng thì không ai dám gọi, nhưng trong đời sống hàng ngày, nghe một chữ này, mình cũng thấy ngại ngùi.”

Thứ ba, phần ngôn ngữ sử dụng trong ngôn ngữ của chính quyền dưới hình thức ngôn ngữ (anti-language) qua những cách nói hoàn toàn bất chấp nguyên tắc ngữ nghĩa cũng như ngữ pháp thông thường.

Hiện tượng ngôn ngữ, văn xuôi hiện đại và phổ biến ở Việt Nam, được biết là ở miền Bắc, trong vài thập niên trở lại đây, có nhiều hình thức khác nhau.

Nh&, l&n đ&u tiên tôi v& Việt Nam là vào cu&i năm 1996. L&n &y, tôi & Việt Nam đ&n b&n tu&n.

M&t trong nh&ng &n t&ng sâu đ&m nh&t còn l&i trong tôi là nh&ng thay đ&i trong ti&ng Việt. Có nhi&u t& m&i và nhi&u cách nói m&i tôi ch& m&i nghe l&n đ&u.

Ví d&, trà Lipton đ&c g&i là “trà gi&t gi&t”; cái robinet lo&i m&i, có c&n nh&c lên nh&c xu&ng (thay vì v&n theo chi&u kim đ&ng h&) trong b&n r&a m&t đ&c g&i là “cái gi&t g&t”; ăn c&m v&a h& đ&c g&i là “c&m b&i”; khuôn m&t tr&m ng&m đ&c mô t& là “r&t tâm tr&ng”; hoàn c&nh khó khăn đ&c xem là “r&t hoàn c&nh”; th&t beefsteak đ&c g&i là “bò né”. Sau này, đ&c báo trong n&ng, tôi g&p vô s& các t& m&i khác, nh&: “đ&i gia”, “thi&u gia” (3), “chân dài”, “ch&nh” (kênh ki&u) (4), “bèo” (r& m&t), “kh&ng” (l&n); “tám” (tán g&u); “buôn đ&a lê” (lê la, nhi&u chuy&n), “chém gió” (tán chuy&n), “gà tóc nâu” (b&n gái), “xe ôm” (b&n trai), “máu khô” (ti&n b&c), “con ngh&o” (xe máy), v.v.

Trong các t& m&i &y, có t& hay có t& đ&, tuy nhiên, t&t c& đ&u bình th&ng. Ngôn ngữ lúc nào cũng g&n li&n v&i cu&c s&ng. Cu&c s&ng thay đ&i, ngôn ngữ thay đ&i theo. Nh&ng s&n ph&m m&i, hi&n t&ng m&i và tâm th&c m&i đ&n đ&n s& ra đ&i c&a các t& m&i. & đâu cũng v&y.

T&t c& các t& đ&n l&n trên th& gi&i đ&u có thói quen c&p nh&t các t& m&i hàng năm. Có năm s& t& m&i &y lên đ&n c& hàng ngàn. Việt Nam không ph&i và không th& là m&t ngo&i l&. Đ&i đ&n v&i nh&ng t& m&i &y, có hai đ&u nên tránh: m&t, xem đó là nh&ng t& ng& ng&n r&i ph& nh&n tu&t lu&t; và hai, xem đó là t&...Việt C&ng và tìm cách ch&i b& chúng.

Tuy nhiên, đ&u tôi chú ý nh&t không ph&i là s& xu&t hi&n c&a các t& m&i hay các ti&ng lóng m&i &y. Mà là nh&ng cách nói m&i, r&t l& tai, th&m chí, quái g&, ph& bi&n kh&p n&i, ngay c& trong gi&i trí th&c và văn ngh& sĩ ti&ng t&m, đ&c bi&t & Hà N&i. Có th& tóm g&n các cách nói m&i &y vào b&n đ& m.

Th& nh&t, hi&n t&ng dùng nguyên c& m&t c&m t& ho&c m&t t& ghép ho&c m&t tên riêng c&a m&t ng&&i, m&t đ&a ph&ng ho&c m&t n&c đ& ch& l&y ra m&t t& t& trong đó. Ví d&, thay vì nói “lâu”, ng&&i ta nói “Hà Văn Lâu” (hay “H&ng Lâu M&ng”); thay vì nói “đông” (đúc), ng&&i ta nói “Hà Đông”; thay vì nói “xa”, ng&&i ta nói “Natasha” (ch& l&y âm cu&i, “Sha”, phát âm theo gi&ng mi&n B&c là “xa”); thay vì nói “xinh” (x&n), ng&&i ta nói “nhà v& sinh” (âm /s/ b& bi&n thành /x/); thay vì nói “ti&n”, ng&&i ta nói “đê ti&n”; thay vì nói “c&n” (ly), ng&&i ta nói “B&c C&n”; thay vì nói “can”

(ngăn), ng i ta nói “L ng Văn Can”; và thay vì nói “chia” (ti n), ng i ta nói “Campuchia”.
Cu i cùng, ng i ta có m t m u đ i tho i l ùng nh sau:

“Đi gì mà Hà Văn Lâu th ?”
“ , t i đ ng Hà Đông quá!”
“T đ y đ n đây có Natasa không?”
“Không. À, mà hôm nay em trông h i nhà v sinh đ y nhé!”
“Khéo n nh! Tí n a, đi v , có đê ti n, mua giùm em t báo nhé!”
“ , mà thôi, bây gi nh u đi!”
“ , B c C n đi, các b n i!”
“Thôi, tôi L ng Văn Can đ y!”
“Này, h t bao nhiêu đ y, đ còn Campuchia?”

Th hai, hi n t ng dùng ch “vô t ”.

Lúc Hà N i, m t trong nh ng t tôi nghe nhi u nh t là t “vô t ”. Nó đ c dùng m t cách l m phát. Cái gì cũng “vô t ”. B n bè, g m toàn các giáo s và nhà văn n i ti ng Hà N i, r tôi vào quán th t c y. Th y tôi thoáng chút ng n ng i, h li n nói: “C vô t đi mà! Th t c y đ đây ngon l m!” Sau khi u ng vài ly r u, c m th y h i ch nh choáng, tôi xin phép ng ng, h i nói: “Không sao đâu, c vô t u ng thêm vài ly n a cho vui. R u này ngâm thu c, b l m!” Cu i ti c, tôi giành tr ti n, h i nói: “Không, b n tôi đ i, anh c vô t đi!” C th , trong su t b a ti c hai ba ti ng đ ng h , tôi nghe không đ i vài ch c l n t “vô t ”. Ch “vô t ” y ph bi n đ n đ l t c vào trong th Nguyễn Duy:

Mình vô t v i ta đi
Vô t nhau ch c n chi nhi u l i
Vô t th ch p đ i ng i
Tr ng tay còn chút coi tr i b ng vung
Lu t ch i c m k n a ch ng
Vô t đ t c t n cùng chi u mạnh
Li n em vô t li n anh
Không ngâ không đ i không đành ph i không.

Th ba, hi n t ng dùng các ph t “h i b ”.

Hiệu năng phon-ngôn ngữ Việt Nam

Tác Giả: Nguyễn Hoàng Quốc
Thứ Ba, 18 Tháng 9 Năm 2012 10:03

Bình thường, trong tiếng Việt, “b”, đ i l p v i “đ c”, ch nh ng gì có ý nghĩa tiêu c c và ngoài ý m n. B t c ng i Việt Nam nào cũng bi t s khác bi t gi a hai cách nói “Tôi đ c th ng” và “Tôi b ph t”. V y mà, Việt Nam, ít nh t t gi a th p niên 1990 đ n nay, đâu, ng i ta cũng nghe ki u nói “Cô y h i b h p đ n”, “Ông y h i b gi i”, “chi c xe y h i b sang”, “nhà y h i b giàu”, hay “b c tranh y h i b đ p”, v.v.

Cu i cùng là hi n t ng các thành ng m i đã đ c Thành Phong s u t p và minh h a trong cu n Sát th đ u m ng m (sau đó b t ch thu, năm 2011), bao g m nh ng câu ki u:

ăn ch i s gì m a r i
bu n nh con chu n chu n
chán nh con gián
ch nh nh con cá c nh
chuy n nh nh con th
b c nh con m c
c c nh con chó m c
đau kh nh con h
đen nh con mèo hen
đói nh con chó sói
đ n gi n nh đ n r
đ t nh con t t
đu i nh trái chu i
ghét nh con b chết
già nh qu cà
h n nhiên nh cô tiên
im nh con chim
l nh lũng con th ch sùng
ng t ngây con gà tây
ng c nh con c
phê nh con tê tê
sành đ i u c ki u
tê tái con gà mái
thô b nh con kh
t nhiên nh cô tiên
tinh vi s ti con l n
xinh nh con tinh tinh

T t c nh ng hi n t ng trên đ u có m t s đ c đ i m chung. Th nh t, có l chúng xu t phát t Hà N i, sau đó, lan truy n ra c n c, k c Sài Gòn.

Th hai, chúng ph bi n không ph i ch trong gi i tr mà còn c trong gi i trí th c l n tu i, k c gi i h c gi , giáo s đ i h c và văn ngh sĩ n i t ng.

Th ba, t t c nh ng cách nói y đ u ng c ng o, th m chí, vô nghĩa. Ch có ai có th gi i thích đ c nh ng ki u nói nh “bu n nh con chu n chu n” hay “chán nh con gián” hay “im nh con chim”, “xinh nh con tinh tinh”... tr m t đ i u duy nh t: chúng có v n về v i nhau. V y thôi.

Trong l ch s ti ng Vi t, th nh tho ng l i xu t hi n nh ng hi n t t ng m i, đ c bi t trong kh u ng , nhi u nh t là trong ti ng lóng. Tuy nhiên, có l ch a bao gi l i có nh ng hi n t t ng nói năng ng c ng o và vô nghĩa nh hi n nay.

i mi n Nam tr c năm 1975, ng i ta làm quen v i nh ng ki u nói nh “lính mà em”, “ti n lính tính li n”, “s c m y mà bu n”, “b đ i Tám”, “OK Salem”, “mút mùa L Th y”, “th m nh múi mít”, “b t bò l c”, “m t câu xanh r n”, v.v. V i h u h t nh ng ki u nói nh th , ng i ta có th hi u đ c. Còn bây gi ? Không ai có th gi i thích đ c. Chúng ng c ng o đ n m c quá đ n. Và chúng vô nghĩa đ n m c phi lý.

V y t i sao chúng l i ra đ i, h n n a, ph bi n r ng rãi trong xã h i, ngay trong gi i có h c thu c lo i cao nh t n c?

Dĩ nhiên không ph i vì ng i ta không bi t. Bi t, ch c ch n là bi t; nh ng ng i ta v n ch n nh ng cách nói y. Đó là m t ch n l a có ý th c ch không ph i m t thói quen vô tình. S ch n l a y ch có th đ c gi i thích b ng m t cách: ng i ta mu n nói khác. Khác v i cái gì? V i nh ng quy c ngôn ng đang th ng tr trong xã h i và th i đ i c a h . Khi nh ng cái khác y đ c th c hi n m t cách b t ch p lu n lý và quy lu t, chúng tr thành m t thách th c, m t s ch i b , hay đúng h n, m t s ph n kháng.

Bình th ng, không ai ph n kháng ngôn ng . B i ai cũng ph i s đ ng ngôn ng . Ng i ta ch ph n kháng tính ch t gi đ i, khuôn sáo, cũ k , ch t ch i trong ngôn ng ho c đ ng sau ngôn ng : văn hóa, chính tr và xã h i. B i v y, tôi m i xem nh ng cách nói ng c ng o ph bi n t i Vi t Nam hi n nay nh m t th ph n-ngôn ng : nó là m t ph n c a th đ i-văn hóa

(counter-culture), xu&t phát t& đ&ng c& mu&n thoát kh&i, th&m chí, ch&ng l&i nh&ng giá tr&, nh&ng quy ph&m và nh&ng chu&n m&c mà ng&i ta không còn tin t&ng và cũng không mu&n chấp nh&n n&a.

Nói cách khác, n&u vi&c s& đ&ng ngôn ngữ trong b& máy tuyên truy&n c&a đ&ng và nhà n& c Việt Nam mang đ&y tính chính tr& thì hi&n t&ng phẩm-nghôn ngữ đang ph& bi&n t&i Việt Nam hi&n nay cũng có tính chính tr&. Th& chính tr& trên đ&a trên s& áp ch&, đ&c tài và gi& đ&i; th& chính tr& đ&i là m&t s& phẩm kháng l&i th& chính tr& trên nh&ng l&i đ&a trên m&t th& ch& nghĩa h& vô đ&y tuy&t v&ng.

Chú thích:

1. Có th& th&y đ&u này qua m&t ví d& khá tiêu bi&u: Bài th& “Cho m&t nhà văn n&m xu&ng” vi&t nhân cái ch&t c&a nhà văn Nguyễn H&ng đ&a Tr&n M&nh H&o (1982) b& phê phán k&ch l&t.

W& Văn K&t, lúc &y là Bí th& thành u& thành ph& H& Chí Minh, cho g&i Tr&n M&nh H&o đ&n g&p. Tr&n M&nh H&o r&t s&. Th& nh&ng c&m giác s& h&i &y tiêu tan ngay khi ông nghe câu nói đ&u tiên c&a W& Văn K&t: “H&o à! Đ&u má... Mà làm cái gì mà đ& v&y?” Tr&n M&nh H&o g&i th&ch: “Anh ph&i h&i u&ng tính cách ng&i i Nam B& là th&. S&ng v&i nhau trong c& quan hay lúc sinh ho&t th&ng hay dùng câu ĐM kèm theo. Thân tình m&i có câu ĐM. Còn đ& g&i nhau b&ng đ&ng chí là ‘có chuy&n’. Nghe đ&c l&i m&ng c&a anh Sáu (W& Văn K&t) l&i có kèm ĐM, tôi bi&t ngay là ‘thoát’.” Chuy&n này đ&c thu&t l&i trong bài “Much Ado About Nothing” c&a Ph&m Xuân Nguyễn trên Talawas.

2. <http://www.reuters.com/article/2010/05/31/us-china-comrade-idUSTRE64U0WP20100531>

&&&

3. C& hai l& “đ&i gia” và “th&i u gia” đ&u là nh&ng l& cũ, ngày x&a; bây gi& đ&c dùng l&i.

&&&

4. Giờ đây, cụm “chính” còn được nói dưới hình thức tiếng Anh bởi là “lemon question” (chanh + hỏi); cũng như cụm “vô tư” còn được nói là “no four” (không = vô + bốn = tư). Giờ đây như trước năm 1975, người ta cũng nói “no star where” – không sao đâu.

□